



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo về kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12
Thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 54



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”, “BVSC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 223 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Ngày 26 tháng 04 năm 2013, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013. Đại hội đã thông qua việc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị trong thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2010-2015 với số lượng bổ sung, thay thế là 02 thành viên, phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Tuấn giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010 Miễn nhiệm để nghỉ hưu theo chế độ ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Hải Phong	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Ông Trương Ngọc Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Charles Bernard Gregory	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010 Miễn nhiệm để chuyển công tác ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Bà Trần Thị Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010
Bà Lương Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong giai đoạn và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 03 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2010
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh: Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
14th Floor, Daeha Business Center
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District
Hanoi, S.R of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/16489218

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), được trình bày từ trang 05 đến trang 54 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị : VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		1.340.831.555.990	1.245.457.527.196
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	508.134.549.192	598.724.776.910
111	1. Tiền		310.731.549.192	266.114.276.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		197.403.000.000	332.610.500.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	520.841.366.290	422.867.197.098
121	1. Chứng khoán thương mại		318.068.296.904	434.614.870.359
128	2. Đầu tư ngắn hạn khác		315.211.752.065	170.309.354.266
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(112.438.682.679)	(182.057.027.527)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	305.972.711.894	220.115.444.990
131	1. Phải thu của khách hàng		983.974.000	1.293.919.255
132	2. Trả trước cho người bán		7.191.306.100	6.603.288.600
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		268.913.788.068	190.351.336.238
138	4. Các khoản phải thu khác		43.382.956.890	34.436.204.596
139	5. Dự phòng phải thu khó đòi		(14.499.313.164)	(12.569.303.699)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.882.928.614	3.750.108.198
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.617.300.127	683.989.150
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.814.100	187.171
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20.1	2.668.258.877	2.668.258.877
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		594.555.510	397.673.000

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị : VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		305.219.184.432	289.400.833.311
220	I. Tài sản cố định		10.042.642.273	12.565.514.601
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	6.633.584.402	8.138.052.610
222	Nguyên giá		26.150.976.357	30.904.550.527
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.517.391.955)	(22.766.497.917)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.409.057.871	4.427.461.991
228	Nguyên giá		10.470.716.440	10.470.716.440
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.061.658.569)	(6.043.254.449)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6	275.143.877.448	257.417.881.419
253	1. Chứng khoán đầu tư		299.626.627.448	280.198.173.000
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		160.236.573.000	140.275.973.000
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		139.390.054.448	139.922.200.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(24.482.750.000)	(22.780.291.581)
260	III. Tài sản dài hạn khác		20.032.664.711	19.417.437.291
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.587.924.160	4.468.315.577
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	15.902.340.251	14.406.721.414
268	3. Tài sản dài hạn khác		542.400.300	542.400.300
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.646.050.740.422	1.534.858.360.507

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		463.789.314.967	409.227.159.433
310	I. Nợ ngắn hạn		463.789.314.967	409.227.159.433
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		20.000.000.000	20.000.000.000
312	2. Phải trả người bán	12	10.626.736.585	7.755.670.061
313	3. Người mua trả tiền trước		1.828.300.000	1.949.715.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.2	2.022.491.742	1.042.997.175
315	5. Phải trả người lao động		21.200.351.353	15.172.815.955
316	6. Chi phí phải trả		2.900.556.299	1.066.704.553
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	277.504.376.301	246.491.207.124
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		14.270.614.730	12.387.215.055
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	14	1.890.000.162	2.056.186.752
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		518.067.343	716.067.343
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	111.027.820.452	100.588.580.415
330	II. Nợ dài hạn		-	-
336	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		-	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.182.261.425.455	1.125.631.201.074
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.182.261.425.455	1.125.631.201.074
411	1. Vốn điều lệ đã góp		722.339.370.000	722.339.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
414	3. Cổ phiếu quỹ		(228.000.000)	(228.000.000)
417	4. Quỹ dự phòng tài chính	16.2	14.322.179.098	14.322.179.098
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	16.2	14.322.179.098	14.322.179.098
420	6. Lỗ lũy kế		(178.747.469.461)	(235.377.693.842)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.646.050.740.422	1.534.858.360.507

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
004	2. Phải thu khó đòi đã xử lý		390.400.000	390.400.000
006	3. Chứng khoán lưu ký		14.526.631.980.000	17.155.622.420.000
	Trong đó:			
007	3.1. Chứng khoán giao dịch		14.105.196.980.000	16.639.066.360.000
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		90.713.660.000	108.564.490.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		13.895.235.890.000	16.415.906.430.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		119.247.430.000	114.595.440.000
012	3.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		278.740.700.000	406.059.660.000
013	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		152.000.000	152.000.000
014	3.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		278.498.200.000	405.817.160.000
015	3.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.500.000	90.500.000
017	3.3. Chứng khoán cầm cố		142.694.300.000	110.496.400.000
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		142.694.300.000	110.496.400.000
082	4. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		2.685.684.330.000	2.627.749.400.000
083	5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		302.434.370.000	300.058.160.000



Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị : VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
01	1. Doanh thu	17	101.829.524.514	116.192.080.993
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		23.784.906.609	31.850.813.791
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		24.661.171.733	28.539.154.068
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	62.995.770
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		80.267.571	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		4.036.908.180	4.016.733.021
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.205.410.352	1.335.250.842
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		21.983.531	-
01.9	- Doanh thu khác		48.038.876.538	50.387.133.501
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		101.829.524.514	116.192.080.993
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	(17.372.252.911)	(26.731.117.978)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		84.457.271.603	89.460.963.015
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(27.837.046.812)	(23.812.594.742)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.620.224.791	65.648.368.273
31	8. Thu nhập khác		10.000.000	20.611.336
32	9. Chi phí khác		(410)	(112.593.301)
40	10. Lợi nhuận /(lỗ) khác		9.999.590	(91.981.965)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.630.224.381	65.556.386.308
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.3	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		56.630.224.381	65.556.386.308
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	784	909

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Như Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị : VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		4.384.328.186.958	3.342.758.150.993
02	Tiền chi hoạt động kinh doanh		(4.416.938.664.227)	(3.474.489.671.317)
05	Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(1.071.588.185)	(1.495.618.837)
06	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		19.642.788.356.550	17.601.730.832.793
07	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(19.575.943.681.104)	(17.446.196.813.911)
08	Tiền thu bán chứng khoán phát hành		126.382.573.600	43.773.801.000
09	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		(132.388.591.600)	(43.804.188.000)
10	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(43.010.913.011)	(91.018.801.990)
11	Tiền chi trả cho người lao động		(23.508.036.294)	(20.389.029.198)
12	Tiền chi trả lãi vay		(1.106.222.544)	-
13	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
14	Tiền thu khác		297.508.501.103	184.792.557.237
15	Tiền chi khác		(296.742.953.988)	(191.665.483.002)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh chứng khoán		(39.703.032.742)	(96.004.264.232)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(305.950.549)	(1.620.160.073)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		10.000.000	7.818.181
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(438.594.959.830)	(345.146.539.900)
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		348.089.149.742	440.875.528.930
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.914.565.661	49.631.363.454
29	Tiền thu đầu tư ngắn hạn khác		-	51.552.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(50.887.194.976)	195.300.010.592

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị : VNĐ

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		50.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(50.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuận sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuận trong kỳ		(90.590.227.718)	99.295.746.360
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		598.724.776.910	538.638.087.630
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	508.134.549.192	637.933.833.990



Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Như Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

B05a-CTCK

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm			Số dư cuối kỳ		
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012		Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013			
		1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B			3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720 (228.000.000)	610.253.166.720 (228.000.000)	-	-	-	-	610.253.166.720 (228.000.000)	610.253.166.720 (228.000.000)
3. Cổ phiếu quỹ									
4. Quý đầu tư phát triển	16	14.322.179.098	14.322.179.098	-	-	-	-	14.322.179.098	14.322.179.098
5. Quý dự phòng tài chính	16	14.322.179.098 (312.695.878.984)	14.322.179.098 (235.377.693.842)	-	-	-	-	14.322.179.098 (247.139.492.676)	14.322.179.098 (178.747.469.461)
6. Lợi nhuận chưa phân phối			65.556.386.308	65.556.386.308	-	56.630.224.381	-	(247.139.492.676)	(178.747.469.461)
TỔNG CỘNG		1.048.313.015.932	1.125.631.201.074	65.556.386.308	-	56.630.224.381	-	1.113.869.402.240	1.182.261.425.455

[Handwritten signature]

Bà Vũ Thị Thủy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

[Handwritten signature]

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Ngô Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 26 là một phần của các BCTC này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 223 Đồng Khởi, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên Phòng giao dịch	Địa chỉ
Phòng môi giới và giao dịch (Hà Nội)	Tòa nhà Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch Mỹ Đình (Hà Nội)	Số 8 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình, Hà Nội
Phòng môi giới và giao dịch (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ (TP Hồ Chí Minh)	146 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 218 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 219 người).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ, tiền gửi của nhà đầu tư tại các tài khoản ngân hàng được mở bởi Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày là tiền và các khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- ▶ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- ▶ Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; và
- ▶ Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2013, Công ty thực hiện giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ, đồng thời ghi nhận giá trị còn lại của các tài sản này vào chi phí trong thời gian không quá 3 năm.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của khách hàng cho mục đích giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.